

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/DS-PT

Ngày 20/9/2025

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Thành, ông Vũ Văn Thuấn

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:* Bà Chu Thị Sáu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/9/2025 (*xử trực tuyến tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Quảng Ngãi*) và ngày 20/9/2025 (*xử trực tiếp tại địa chỉ: 204 Trần Phú, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi*), Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân thụ lý số 12/2025/TLPT-DS ngày 30/5/2025 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02a/2025/DS-ST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (nay là Tòa án khu vực 11, tỉnh Quảng Ngãi) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 94/2025/QĐXX-PT ngày 30 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa và Quyết định tạm ngừng phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị K; sinh năm: 1943; địa chỉ: Tổ dân phố 6, xã B, tỉnh Q; (*trước đây là: thị trấn P, huyện N, tỉnh K*). Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là ông Ngô Đức N, là Luật sư Văn phòng Luật sư Ngô Đức N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh G; địa chỉ: Số 203, đường Lý Thái T, phường D, tỉnh G (*trước đây là phường Y, thành phố Plei Ku, tỉnh Gia Lai*). Có mặt.

- Bị đơn: Bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1971 và ông Đặng Văn C, sinh năm 1971 (chết ngày 25/6/2020 theo trích lục khai tử số 24 ngày 03/7/2020); cùng

địa chỉ: Tổ dân phố 6, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; *(trước đây là: thị trấn P, huyện N, tỉnh K)*. Có mặt.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Đặng Văn Chín gồm:

+ Bà Lương Thị H; sinh năm: 1980; Cháu Lương Thị Quỳnh C, sinh năm 2013, cháu Đặng Thị Khánh C, sinh năm: 2015; cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Q; *(Trước đây là xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum.)* (Chị H là người giám hộ cho cháu C và cháu C). Đều vắng mặt.

+ Anh Đặng Văn L; sinh năm: 1999; địa chỉ: Tổ dân phố 6, xã B, tỉnh Q; *(trước đây là: thị trấn P, huyện Ni, tỉnh Kon Tum)* . Vắng mặt.

+ Anh Đặng Văn T; sinh năm: 1991; địa chỉ: Thôn H, xã N, thành phố H *(Trước đây là xã H, huyện T, tỉnh H)*. Vắng mặt.

+ Chị Đặng Thị T; sinh năm: 1993; địa chỉ: Thôn H, xã N, thành phố H *(Trước đây là xã H, huyện T, tỉnh H)*. Hiện đang sinh sống và làm việc tại: 289/3 T, tổ 9, thôn T, xã T, huyện T, Đà Loan. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là ông Hoàng Minh T, là Luật sư Văn phòng Luật sư Minh T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Số 157 đường P, phường K, tỉnh Q. *(Trước đây là phường T, Tp K, tỉnh Kon Tum)*. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ UBND xã B, tỉnh Quảng Ngãi *(Là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND huyện N và Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum)*; Địa chỉ: Thôn 6, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; *(trước đây là: Thị trấn Pn, huyện N, tỉnh K)*. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Đặng Thị D; Địa chỉ: Thôn 4, xã B, tỉnh Q; *(trước đây là: Thị trấn P, huyện Ni, tỉnh Kon Tum)*; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đặng Thị D: Luật sư Hoàng Minh T. Có mặt.

+ Anh Nguyễn Văn L; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, xã B, tỉnh Q; *(trước đây là: Thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum)*. Có mặt.

- Những người làm chứng:

+ Ông Đoàn Bá H; địa chỉ: Tổ dân phố 6, xã B, tỉnh Quảng Ngãi;. Có văn bản xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Đặng Văn N; địa chỉ: Tổ dân phố 6, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi; Có văn bản xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Vũ Văn T; địa chỉ: Tổ dân phố 1, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi. Có văn bản xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Đặng Văn H; địa chỉ: Tổ dân phố 6, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

+ Ông Phạm Văn T; địa chỉ: Tổ dân phố 6, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi; Có mặt

+ Ông Nguyễn Huy D; địa chỉ: Tổ dân phố 6, xã B, tỉnh Q; Có mặt.

+ Bà Đặng Thị N; địa chỉ: Thôn 5, xã Bờ Y, tỉnh Q; Có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn N; địa chỉ: Thôn 5, xã B, tỉnh Q; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền, vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2018 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thị K và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, ông Ngô Đức N trình bày:

Năm 1986 gia đình bà K được người anh đưa từ ngoài Bắc vào làm công nhân Công ty 732, sau đó được Công ty đưa đến Ngã tư Bến Héc (thị trấn P cũ, nay là xã B), bà và em gái là Dương Thị N phát đốt quả đồi được diện tích đất chiều rộng theo đường mòn từ Bến Héc vào Công ty 732 nay là đường Trần Hưng Đạo thuộc tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện N, chiều ngang mặt đường là 75 mét (cạnh phía Bắc đến cạnh phía Nam), chiều sâu (cạnh phía Tây đến cạnh phía Đông) có chỗ 60 mét, có chỗ 35 mét. Xung quanh thửa đất, bên ngoài bà trồng cao su, bên trong bà trồng lúa, ngô để cải thiện đời sống. Sau một thời gian bà và bà N thỏa thuận Bà N được chia 30 mét từ suối cạn (từ cạnh phía bắc), còn bà được chia 45 mét (cạnh phía nam). Năm 1988 bà N làm nhà ở trên diện tích đất giáp suối cạn. Năm 1989 đến năm 2012 do bà N không có điều kiện ở lại N nên đã đổi toàn bộ diện tích đất được chia và nhà cho bà và anh Nguyễn Văn Lập (con trai bà K) để bà N lấy đất của bà ở quê P - Hà Nội. Sau này do bà đau, ốm nên bà đã bán đất cho bà Lê Thị S, ông Đặng Văn H, bà Vũ Thị L, ông Phạm Văn H, ông Trịnh Văn K, bà Lê Thị Kim N, ông Đặng Văn N (trong số những người mua đất của bà có một số đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Khoảng năm 1998, 1999 vợ chồng ông Đặng Văn C, bà Vũ Thị Đ mua của bà Y L một thửa đất phía trên đồi, giáp phía sau thửa đất của bà. Do không có đường đi ra đường mòn (nay là đường Trần Hưng Đạo) nên ông C, bà Đ hỏi mượn bằng miệng của bà khoảng 03 mét mặt đường để làm lối đi, khi Nhà nước phóng mở đường A G đi ngang qua thửa đất ông C, bà Đ mua của bà Y L. Ông C, bà Đ thương lượng, thoả thuận miệng với bà là đổi cho bà 10 mét đất đường A G để ông C, bà Đ lấy 05 mét đất đường Trần Hưng Đạo. Sau khi hai bên thoả thuận về việc đổi đất, ông C, bà Đ đã xây nhà trên diện tích đất đã đổi. Sau một thời gian, lợi dụng bà đi làm rẫy ở xa ông C, bà Đ đã sang nhượng 10 mét đất đã đổi cho bà ở đường A G cho người khác và làm tiếp căn nhà gỗ tạm bên cạnh nhà xây thuộc thửa đất của bà trên đường Trần Hưng Đạo, khai khống với cơ quan đo đạc để làm trích lục mang tên mình, khi phát hiện bà cản trở, ngăn chặn, chính quyền địa phương đã can thiệp, UBND thị trấn P tiến hành hòa giải nhưng không thành, vì vậy bà khởi kiện yêu cầu ông C, bà Đ tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên đất trái phép để trả lại diện tích đất 10 mét x 32 mét trên đường Trần Hưng Đạo, tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh K (nay là xã B, tỉnh Q) cho bà.

Trong biên bản hòa giải tại Tòa án ngày 03/8/2018 hai bên thoả thuận: Ông Đặng Văn C, bà Vũ Thị Đ đồng ý trả lại cho bà 05 mét x 32 mét đất tại đường Trần Hưng Đạo, tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh K (nay là xã B, tỉnh Q), nhưng ông C, bà Đ có nhu cầu mua lại thửa đất với giá là 500.000.000 đồng, thời gian ông C, bà Đ thanh toán số tiền 500.000.000 đồng cho bà K vào ngày 20/8/2018 và bà K có trách nhiệm về nguồn gốc đất để ông C, bà Đ được miễn, giảm thuế và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên đến ngày 10/8/2018 bà Đ có đơn thay đổi ý kiến, không chấp nhận thỏa thuận như biên bản hòa giải ngày 03/8/2018 và đề nghị đưa bà Đặng Thị D là chị gái ông Đặng Văn C tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Sau đó bà K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà Đ trả lại diện tích đất 10m x 32m như đơn khởi kiện.

Theo trích lục đo vẽ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ngày 13/9/2019 và ngày 03/4/2023 thì 75 mét đất từ cạnh phía Bắc đến cạnh phía Nam đường Trần Hưng Đạo gồm 14 thửa. Thửa thứ nhất giáp suối cạn (cạnh phía bắc) có chiều dài đường Trần Hưng Đạo là 7,0 mét thuộc thửa đất số 59 đã có giấy chứng nhận QSDĐ mang tên anh Nguyễn Văn L có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của bà Dương Thị N. Thửa số 14 (cạnh phía Nam giáp đất bà Y) có chiều dài đường Trần Hưng Đạo là 5,19 mét bà K bán cho ông Đình Văn N, ông N đã xây nhà kiên cố trên toàn bộ diện tích đất (đất chưa có giấy chứng nhận QSDĐ). Thửa đất đang tranh chấp theo số thứ tự từ cạnh Bắc đến cạnh Nam là thửa số 12 và 13; thửa số 12 kích thước là 5,25m, 8m, 28,2m, 23m tổng

diện tích là 152,8m² trên đất có căn nhà gỗ tạm 44,64m². Thửa đất số 13 kích thước 5,39m, 10,15m, 3,40m, 5m, 18,25m, 23m tổng diện tích là 134,9m² trên đất có căn nhà xây 85,5m²; Nhà bếp, chuồng heo 31,5m²; Nhà vệ sinh 7m².

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất có tổng diện tích là 134,9m², chỉ yêu cầu bị đơn tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên thửa đất có tổng diện tích là 152,8m² tương đương giá thị trường là 700.000.000 đồng ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Vũ Thị Đ trình bày:

Bà và ông Đặng Văn C đến vị trí đất đang tranh chấp hiện nay để lập nghiệp, năm 1991, 1992 ông Đặng Văn T (anh trai ông C) khai hoang được thửa đất, năm 1997 do vợ, chồng bà không có đất ở nên ông T đã cho vợ, chồng bà thửa đất nói trên, khi cho ông T có viết giấy tay nhưng ông, bà đã làm mất, thửa đất khi đó còn là đất đồi và vợ, chồng bà đã làm nhà ở (nay là đường A G). Quá trình sinh sống tại mảnh đất trên, vì không có lối đi nên gia đình bà thỏa thuận với bà K đổi đất cho nhau để gia đình bà có lối đi ra đường Trần Hưng Đạo, còn bà K lấy đất phía bắc giáp đất bà cho vuông đất, hai bên thống nhất và trao đổi bằng miệng, không có giấy tờ gì chứng minh. Năm 1998 sau khi đổi đất cho bà K, gia đình bà tiến hành việc mức đất để hạ thấp đất nền và làm nhà ở để đi lại cho thuận tiện (vì mảnh đất cao hơn mặt đường rất nhiều). Năm 2001 Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện N tiến hành đo đạc, khảo sát và vẽ bản đồ địa chính để phân lô, cắm mốc cho từng hộ cá nhân trong đó có gia đình bà được cắm mốc mà không có bất kỳ tranh chấp gì. Cụ thể:

- 01 lô mang tên ông Đặng Văn C có chiều ngang 05 mét (xây dựng nhà ở năm 2001);

- 01 lô mang tên Đặng Văn T (con riêng của ông Đặng Văn C), có chiều ngang 05 mét (làm nhà gỗ tạm để thờ cúng mẹ ông C là bà Vũ Thị N, chết năm 1999, không để lại di chúc).

Lô có chiều ngang 05 mét mang tên ông Đặng Văn C mà gia đình bà đổi cho bà K lấy lối đi, năm 2012 bà và ông Đặng Văn C ly hôn, ông C đã giao lại đất và nhà cho bà và con trai tên là Đặng Văn L sinh sống, còn phần đất mang tên Đặng Văn T được giao lại cho bà Đặng Thị D (chị gái ông C) quản lý. Từ năm 1997 cho đến năm 2014 không có bất cứ tranh chấp gì, đến cuối năm 2014 ông C bị tai nạn giao thông chấn thương sọ não, không điều khiển được hành vi của mình, thấy ông C như vậy nên năm 2015 bà K bắt đầu đi kiện khắp nơi tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nhưng không được cơ quan có thẩm quyền nào giải quyết, đến tháng 05/2018 bà K khởi kiện đến Tòa án yêu cầu gia đình bà phải trả lại diện tích đất là 10 mét chiều ngang, 32 mét chiều dài tại

đường Trần Hưng Đạo, tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh K (nay là xã Bờ Y, tỉnh Q) là hoàn toàn không có cơ sở, nên bà không chấp nhận.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị D trình bày: Bà nhất trí với lời trình bày của bị đơn và bà bổ sung như sau: Năm 1997, 1998 em trai bà là Đặng Văn C sử dụng được khoảng 12 mét đất chiều ngang mặt đường Trần Hưng Đạo, chiều sâu khoảng 100 m, phần đất bà K chiều sâu mặt đường Trần Hưng Đạo khoảng 03 mét. Mục đích ông C muốn vuông đất nên thỏa thuận với bà K là đổi đất cho nhau, cách thức đổi: Ông C lấy thẳng ra đường QL14C (nay là đường Trần Hưng Đạo) cắt lại cho bà K phía trước 2 m, phía sau 5m. Việc đổi đất không có ai làm chứng và không có giấy tờ gì và xác định đất của ông C, bà Đ kéo dài từ phía trước đến phía sau theo mặt đường Trần Hưng Đạo là 10m. Năm 1999 bà Vũ Thị N (mẹ đẻ của bà và ông C) đã xây dựng căn nhà gỗ tạm 2 gian và sử dụng ổn định không ai tranh chấp, nay bà K cho rằng đất của bà K là hoàn toàn không có căn cứ, nên bà yêu cầu bác đơn của bà K.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị D Luật sư ông Hoàng Minh T nhất trí ý kiến trình bày của bị đơn và bà Đặng Thị D và bổ sung như sau: Sự thỏa thuận của các đương sự trong biên bản hòa giải ngày 03/8/2018 là không có giá trị, không phù hợp với quy định của pháp luật vì thửa đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà Đặng Thị D, đất có nguồn gốc của bà Vũ Thị N để lại, về quan hệ pháp luật tranh chấp, bản chất đây là việc giữa hai bên có đổi đất cho nhau nên cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng, theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện không còn, không có cơ sở để xác định quan hệ pháp luật về tranh chấp quyền sử dụng đất trong vụ án này.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn L trình bày: Thửa đất ông C, bà Đ mua của bà Y L là phía sau thửa đất của mẹ anh (bà K) khai hoang, do không có đường đi ra đường Trần Hưng Đạo ông C, bà Đ thống nhất đổi cho gia đình anh 5 mét mặt đường Trần Hưng Đạo lấy 10 mét đường A G (đường A G lúc đó chỉ là đường đất) để lấy đường đi, việc đổi đất chỉ bằng miệng không có giấy tờ gì. Sau khi thỏa thuận đổi đất ông C, bà Đ làm nhà ở và không ai tranh chấp gì, thời điểm này gia đình anh làm rẫy ở xa không có thời gian trông coi nên ông C, bà Đ dựng căn nhà tạm trên thửa đất liền kề của gia đình anh ở đường Trần Hưng Đạo đổi cho ông C, bà Đ, đồng thời ông C, bà Đ bán luôn thửa đất đã đổi cho gia đình anh ở đường A G cho ông Đoàn Bá H. Việc bà Đ, bà D khai gia đình anh đổi đất cho vuông thửa đất là hoàn toàn không có căn cứ, vì đất của gia đình anh do mẹ anh khai hoang có cạnh thửa cụ thể và đã bán cho một số gia đình và họ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đáng ra anh yêu cầu bà Đ, ông C phải tháo dỡ căn nhà đã xây dựng có

định và căn nhà gỗ tạm để trả lại toàn bộ diện tích đất cho gia đình anh, nhưng do căn nhà đã xây cố định trên đất đòi cho gia đình anh; ông C, bà Đ đã ở ổn định, nên anh đồng ý với ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho gia đình anh là rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi với thửa đất đã đòi với diện tích là 134,9m² và phải tháo dỡ căn nhà gỗ tạm để trả lại toàn bộ diện tích đất 152,8m² cho gia đình anh.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N không có văn bản trình bày ý kiến, không có tài liệu nào chứng minh về nguồn gốc đất của bị đơn, chỉ cung cấp 01 Hồ sơ chuyển nhượng đất có nguồn gốc của bà Dương Thị K và 01 hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ của bà Vũ thị Đ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện N, người đại diện theo ủy quyền, ông Nguyễn Đức X không có văn bản trình bày ý kiến gì ngoài việc đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người làm chứng bà Dương Thị N trình bày: Nguồn gốc thửa đất tranh chấp giữa bà Dương Thị Kh (chị gái bà) với ông Đặng Văn C, bà Vũ Thị Đ, bà Đặng Thị D là do bà và bà K khai hoang năm 1986 mà có, tổng chiều ngang mặt đường đất từ ngã tư Bến Héc đi Công ty 732 đo được khoảng 75 mét mặt đường, bà Khang được chia 45m, bà được chia 30m, chiều sâu chỗ dài nhất khoảng 60m, chỗ ngắn nhất khoảng 30 mét nay là đường Trần Hưng Đạo, tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum (nay là xã B, tỉnh Q), đất có tứ cận như sau: Cạnh phía Đông và cạnh phía Nam giáp đất bà Y L, cạnh phía Tây giáp đường đất (nay là đường Trần Hưng Đạo), cạnh phía Bắc giáp suối cạn. Năm 1988 bà làm nhà ở hết 05 mét, còn lại 25 mét vì không có điều kiện ở lại N nên bà đã đổi cho bà K để bà lấy đất của bà K ở ngoài quê (Phúc Thọ - Hà Nội), đến năm 2012 bà nhượng đất và nhà còn lại cho cháu bà là anh Nguyễn Văn L.

- Người làm chứng bà Y L trình bày: Bà chuyển đến thôn P, xã Đ, huyện N ở từ năm 2002, trước năm 2002 bà ở sát nhà ông C, bà Đ, nhà và đất bà ở trước đây bà đã bán cho ông Đoàn Bá H (đất bán cho ông Đoàn Bá H có nguồn gốc do bà khai hoang mà có), đất của bà cạnh phía Bắc giáp đất bà Dương Thị K (bà K bán cho ông Đặng Văn N). Hiện tại bà không còn thửa đất nào ở khu vực đang tranh chấp, tổ dân phố 6, thị trấn P (nay là xã B). Khi bà chuyển đi thì ông C và bà Đ đã làm nhà ở nhưng ở phía sau, còn đất và nhà đang tranh chấp hiện nay có nguồn gốc do bà N và bà K khai hoang mà có, khu vực đất tranh chấp chỉ có bà và bà K, bà N khai hoang, bà có bán cho ông C, bà Đ 05 mét đất với giá 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) nhưng đất ở phía sau (trên đồi) còn bán vào năm nào bà không nhớ.

Bà xác định nguồn gốc thửa đất (10m x 32m) đang tranh chấp tại đường Trần Hưng Đạo, tổ dân phố 6, thị trấn P (nay là xã B) giữa bà Dương Thị K với ông Đặng Văn C, bà Vũ Thị Đ, bà Đặng Thị D có nguồn gốc do bà Dương Thị K, bà Dương Thị N khai hoang từ năm 1986 mà có. Đất bà khai hoang liền kề với đất của bà K, bà N tại ngã tư Bến Héc nay là tổ dân phố 6, đường Trần Hưng Đạo, thị trấn P còn cụ thể bà K, bà N mỗi người khai hoang chia được bao nhiêu mét thì bà không biết. Đất bà khai hoang giáp ranh với đất của bà K về phía Đông và phía Bắc. Đất của bà giáp đất ông N (do bà K bán) vòng qua phía đông đến đất bà S G. Phần còn lại là giáp đất của ông T và bà Đ.

- Người làm chứng ông Đoàn Bá H trình bày: Ông có lô đất tọa lạc tại đường A G tổ dân phố 6, đường Trần Hưng Đạo, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum (nay là xã B, tỉnh Quảng Ngãi). Phía sau thửa đất (Phía tây) giáp thửa đất mà hiện nay bà K với bà Đ đang tranh chấp. Nguồn gốc thửa đất theo đường A G có chiều ngang 18 mét, chiều dài 30 mét, ông H mua của ông Đặng Văn C và bà Lương Thị H vào năm 2013, lúc đó ông C chưa bị tai nạn, giá mua 30.000.000 đồng/01 mét ngang, sau đó tranh chấp xảy ra giữa bà K với bà Đ thì bà Đ chỉ lô đất mà ông đã mua của ông C, bà H là lô đất mà bà Đ đã đổi cho bà K. Được biết thửa đất đang tranh chấp giữa bà K với bà Đ là thửa đất của bà K, phía sau giáp đất của ông mua của ông C, bà H. Bà Đ biết được việc ông mua đất của ông C, bà H vì khi mua xong ông đổ đất nhưng ông không hiểu vì sao bà Đ lại chỉ đất ông đã mua của ông C, bà H là đất đã đổi để trả cho bà K.

+ Bà Y P trình bày: Nguồn gốc thửa đất tranh chấp và nhà giữa bà K với bà Đ là do bà K khai hoang, vì khi đó bà K thuê bà làm tại vị trí căn nhà gỗ hiện nay, còn khai hoang vào năm nào thì bà không nhớ.

+ Ông Nguyễn Ngọc H trình bày: Năm 1986 bà K có khai hoang mảnh đất từ giáp bờ suối (hướng bắc) đến giáp đất của bà Y (hiện nay đã bán cho ông Đoàn Bá H), sau này gia đình ông C, bà Đ mua bán hoặc đổi chác thế nào thì ông không biết, nhưng ông khẳng định đất nhà ông C, Đ đang ở hiện nay là có nguồn gốc do bà K khai hoang, ngoài ra không có ai khai hoang thửa đất trên.

+ Ông A N trình bày: Vị trí đất bà Đ đang ở là đất của bà K khai hoang. Ông C và Bà Đ ở trên cao thuộc đất của bà Y L.

+ Ông Vũ Văn T trình bày: Ông ở xóm từ ngày chưa thành lập huyện. Ông T khẳng định ông ở trước hai người, đất bà K ở phía trước, đất ông C, bà Đ ở phía sau. Còn việc mua bán giữa hai bên sau này ông không biết.

+ Ông Đỗ Văn T trình bày: Nhà ông và rẫy bà Y L sát nhau. Ông làm rẫy bên cạnh bà Y L và bà K, sau này bà Y L bán cho ông C, bà Đ, còn bán thế nào ông không biết và bà K bán năm nào ông cũng không hay.

+ Ông Đặng Văn N trình bày: Nguồn gốc đất ông đang ở là do ông mua của bà Dương Thị K vào năm 2002 (5mx19m) với giá 15.000.000 đồng đất chưa có giấy CNQSDĐ. Khi ông mua đất của bà K thì bà Đ đã xây nhà, còn việc tranh chấp giữa họ ông không biết. Năm 2002 đã xảy ra tranh chấp, trước đây ông C, bà Đ đồ vật liệu bà K không cho.

+ Bà Lê Thị Minh N trình bày: Bà mua thừa đất của bà K vào năm 2013, diện tích 423,5m², với số tiền 270.000.000 đồng, và hiện nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Ông Đặng Văn T trình bày: Năm 1991, 1992 ông phát đốt được mảnh rẫy khoảng 100m, chiều rộng 15-17m định trồng cà phê nhưng không có nước, sau đó để lại cho ông Mười trồng mỳ, chuối, năm 1997 ông Chín không có đất nên ông cho ông Chín làm nhà, khi ông C làm nhà bà Y L nói đất của bà Y L nên ông C phải trả tiền cho bà Y L mới được làm nhà.

Với nội dung vụ án nêu trên, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K (Nay là Tòa án nhân dân khu vực, tỉnh Q) đã quyết định:

Căn cứ Điều 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, 147, 153, 154, 157, 158, 165, 166, 227, 228, khoản 2 Điều 244, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 166, khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 8, 115, 158, 164, khoản 1 Điều 166, 169, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị K về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Đặng Văn C, bà Vũ Thị Đ.

2. Buộc bị đơn bà Vũ Thị Đ, người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Đặng Văn C (đã chết), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị D chấm dứt hành vi sử dụng trái phép đất tranh chấp, trả lại cho bà Dương Thị K diện tích đất là 153,2m² đất tại tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum (đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), đất có các cạnh như sau: Phía Đông giáp đất bà Đặng Thị D có chiều dài 08 mét; Phía Tây giáp đường Trần Hưng Đạo có chiều dài 5,25 mét; Phía Nam giáp thửa đất diện tích 132,9m² có chiều dài 23 mét; Phía Bắc giáp đất bà Lê Thị S có chiều dài 28,2 mét. (Kèm theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp và sơ đồ vị trí đất tranh

chấp có chiều dài cạnh thửa đất ngày 13/9/2019 và ngày 03/4/2023).

3. Buộc bị đơn bà Vũ Thị Đ, người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Đặng Văn C (đã chết), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị D tháo dỡ toàn bộ nhà ở gồm móng và tường xây gạch, tô xi, nền láng xi măng, cửa gỗ ván, cột kèo gỗ, mái lợp tôn diện tích 44,64m² trên đất để trả lại cho bà Dương Thị K.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc nguyên đơn tự nguyện rút đối với thửa đất có diện tích 132,9m². Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút.

Ngoài ra bản án còn tuyên về giải quyết tiền tạm ứng chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 01/5/2025, bị đơn bà Vũ Thị Đ kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 02a/2025/DS-ST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K (nay là Tòa án khu vực 11, tỉnh Q). Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn của bà Dương Thị K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án sơ thẩm chưa thực hiện được việc tổng đạt theo quy định tại khoản 3 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự cho chị Đặng Thị T – là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Đặng Văn C nhưng đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 22/4/2024 (*xét xử khi Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan chưa tổng đạt được văn bản tố tụng*), là vi phạm thủ tục tố tụng quy định tại Điều 170, 171, Điều 474, Điều 477 BLTTDS. Do đó, căn cứ Điều 293, khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị Đ, huỷ Bản án sơ thẩm số 02a/2025/DS-ST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, giao hồ sơ vụ án về cho cấp sơ xét xử theo quy định pháp luật. Về án án dân sự phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền, người tham gia tố tụng đúng quy định. Bị đơn kháng cáo trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

[2]. Xét kháng cáo toàn bộ bản án, HĐXX thấy rằng:

[2.1]. Về nguồn gốc đất: Nguyên đơn bà Dương Thị K khai rằng 02 thửa đất đang tranh chấp là do bà và bà Dương Thị N khai hoang năm 1986, bà Vũ Thị Đ ở phía sau đất của bà và ở trên đồi; còn bà Vũ Thị Đ khai rằng hai thửa đất này là do anh chồng bà là ông Đặng Văn T khai hoang, đến năm 1997 ông T cho lại vợ chồng bà, bà K khai hoang tại đoạn này giáp đường Trần Hưng Đạo chỉ có 3m chiều sâu nằm phía trước đất của vợ chồng bà, phần đất này bà K đã đổi cho vợ chồng bà để lấy phần đất phía bắc thửa đất của bà Đ ông C để vuông đất. Hai lời khai này mâu thuẫn về nguồn gốc đất, xét các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án:

[2.1.1]. Quá trình giải quyết vụ án, bà K có nhiều bản tự khai và nhiều văn bản có nội dung bà K trình bày về nguồn gốc đất trong quá trình giải quyết tranh chấp tại địa phương, các lời khai này mâu thuẫn với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể:

- Tại biên bản hòa giải ngày 16/03/2017 tại UBND thị trấn P (bút lục 27,28,29), biên bản làm việc với Phòng Tài nguyên và môi trường huyện N ngày 10/02/2017 (BL 348), lời khai của bà K ngày 03/8/2020 (BL 368) bà K khai đất bà khai hoang năm 1986 là ngang 45m, sâu 35, tại đường Trần Hưng Đạo, năm 1998 (1999) bà cho ông C mượn 2m làm đường đi, năm 2004 con bà là anh Nguyễn Văn L đổi 5m đường Trần Hưng Đạo cho ông C bà Đ để lấy 10m đất phía sau đường A G, năm 2006 ông C bà Đ múc đất xây nhà và tranh chấp từ đó đến nay.

Đối với các lời khai này thấy rằng: Bà N (mẹ ông C) xây dựng nhà gỗ trên thửa đất đang tranh chấp được làm từ năm 1999, nhà cấp 4 ông C bà Đ xây dựng trên đất đang tranh chấp được làm từ năm 2001, lời khai này có ông Phan Văn H – là người xây nhà cho ông C và bà Đ xác nhận và các chứng cứ khác đều thể hiện việc xây dựng nhà được thực hiện trong thời gian trên. Như vậy, lời khai của bà K là không phù hợp, bởi lẽ năm 2001 ông C bà Đ đã xây nhà mà bà K khai năm 2004 mới đổi đất và cho rằng đất đổi này là đất bà Đ xây nhà, là không hợp lý.

[2.1.2]. Bà K khai rằng ông C, bà Đ sang thương lượng bằng miệng với bà Đồi 10m đất đường A G (của ông C, bà Đ) lấy 5m đất đường Trần Hưng Đạo (là đất của bà K khai hoang – thửa đất có nhà gỗ hiện tại); còn bà Đ khai rằng việc đổi đất nhằm mục đích cho vuông đất, gia đình bà lấy 10m ngang, chiều sâu khoảng 3m đất phía trước giáp đường Trần Hưng Đạo để lấy lối đi, còn bà K lấy 2m chiều ngang, 10m chiều sâu góc xéo cuối đất cho vuông góc (BL 85 và văn bản trình bày bà Đ giao nộp tại giai đoạn xét xử phúc thẩm). Xét các chứng cứ liên quan đến vị trí đất 10m mặt đường Trần Hưng Đạo hai bên xác định là đất đổi, không có tài liệu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp, do đó xét các lời khai của những người làm chứng thấy rằng:

Ông Nguyễn Ngọc H khẳng định đất ông C Đ ở bây giờ là nguồn gốc đất bà K khai hoang năm 1986 (BL 104); ông Đoàn Bá H khai có thấy bà K khai hoang từ nương nước tới đất bà Y L nhưng diện tích chiều dài rộng ông không rõ (BL 105); ông Nguyễn Văn N khai năm 1998 khi ông được ông T dẫn lên nhà ông C bà Đ chơi có đi qua vạt cỏ một đầu khoảng 6 bước chân một đầu là 3 đến 4 bước chân là đến phần đất ông C, bà Đ, khi ông hỏi thì ông T bảo là đất của bà K có ít, bên trong là đất của anh C chị Đ bây giờ là đồi cao (BL 106); ông Vũ Văn T khai đất của anh C Đ làm bên trong còn đất của bà K đằng trước một vài mét chiều sâu (BL 109). Thấy rằng: Những người làm chứng đều xác định bà K khai hoang phần đất giáp đường Trần Hưng Đạo, tuy nhiên không ai xác định được thực tế kích thước đất mà bà K đã khai hoang là bao nhiêu, chỉ có lời khai của ông T và ông N là mô tả về chiều rộng đất, thể hiện chỉ rộng vài mét, còn phía sau là đất ông C bà Đ. Như vậy chưa có cơ sở khẳng định tại vị trí tranh chấp bà K khai hoang có kích thước chiều rộng khoảng 35m như lời bà trình bày.

[2.1.3]. Xét lời khai của bị đơn bà Vũ Thị Đ, ông Đặng Văn C về việc khai hoang đất: Ông C, bà Đ khai nhận năm 1991, 1992 ông Đặng Văn T (anh trai ông C) khai hoang được thửa đất, năm 1997 do vợ chồng ông C bà Đ không có đất nên ông T để lại thửa đất, khi đó còn là đất đồi và vợ, chồng bà đã làm nhà ở (nay là đường A G); năm 1998 ông C bà Đ có đồi 10m đất phía trước giáp đường Trần Hưng Đạo để lấy lối đi, còn bà K lấy 10m góc xéo cuối đất cho vuông góc, thấy rằng:

Ông Đoàn Bá H khai ông đến đây sống từ năm 1998, có thấy bà K dọn từ nương nước đến đất của bà Y L nhưng ông không rõ kích thước còn phía trên đồi có gian nhà nhỏ của anh C (BL 105); Ông Vũ Văn T khai Đất của anh C Đ làm bên trong còn đất của bà K đằng trước một vài mét chiều sâu (BL 109). Những lời khai trên thể hiện bà K chỉ khai hoang một phần đất giáp đường Trần Hưng Đạo, còn phía bên trong do ông C và Đ sử dụng.

[2.1.4]. Xét lời khai của bà Y L: Bà khai trước năm 2002 bà cư trú gần sát nhà ông C bà Đ trước đây, khi bà chuyển vào thôn P thì ông C bà Đ đã làm nhà ở phía sau, đất căn nhà gỗ hiện nay có nguồn gốc bà K khai hoang. Lời khai của bà Đ ông C và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án thể hiện năm 1998 - 1999 bà N mẹ ông C đã xây dựng căn nhà gỗ tại vị trí đang tranh chấp, năm 2001 – 2002 ông C bà Đ đã xây nhà gạch cấp 4 trên đất đang tranh chấp (*Lời khai của: ông Đoàn Bá H (BL 105), ông Nguyễn Văn N (BL 106), đơn xin xác nhận nhà đất của bà Đ đã được ông Nguyễn Huy D – thôn trưởng từ 1996 - 1999, Phạm Văn T thôn trưởng 2000 - 2002, Phạm Văn V thôn trưởng hiện tại ký xác nhận*). Đồng thời tại Biên bản làm việc ngày 16/11/2017 (BL 26), Phòng tài nguyên và môi trường huyện Ngọc Hồi, UBND thị trấn P đã mời bà Y L ra thực địa vị trí đất đang tranh chấp, nhưng bà Y L không nhớ cụ thể về ranh giới thửa đất trước đây do thay đổi hiện trạng các hộ đã san ủi mặt bằng; và tại tờ bản đồ địa chính số 50 và trang sổ mục kê đi kèm (*tài liệu do bà Đ cung cấp tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, có đóng dấu treo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực XI*) thể hiện khu vực đất đang tranh chấp, bà Y L có thửa đất số 14, cạnh phía bắc của thửa đất bà Y L chủ yếu giáp đất ông A N, ông Nguyễn Văn Q và chỉ một phần ít giáp đất ông Đặng Văn C; không phải giáp đất bà K như lời khai của bà Y L (BL 387).

Từ những nhận định trên thấy rằng nguồn gốc đất của 02 thửa đất đang tranh chấp còn có nhiều mâu thuẫn, nhiều lời khai khác nhau, lời khai của những người làm chứng còn chưa cụ thể về vị trí, kích thước khai hoang của bà K và bà Đ, chưa lấy lời khai cụ thể của cán bộ thôn qua các thời kỳ, việc này Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

[2.2]. Về quá trình sử dụng đất: Căn cứ các chứng cứ trong hồ sơ có cơ sở xác định bà Ngoạt đã xây nhà gỗ trên đất tranh chấp vào năm 1998 - 1999, ông C bà Đ xây nhà cấp 4 trên đất tranh chấp vào năm 2001 – 2002, cả hai căn nhà hiện vẫn còn. Giai đoạn xét xử phúc thẩm, bà Đ giao nộp chứng cứ là đơn trình bày đề ngày 16/10/2016 của bà Vũ Thị Đ, biên bản xác minh về tình trạng sử dụng đất ngày 08/9/2025. Hai văn bản này có nhiều người tham gia xác minh (*Vũ Văn T, Lê Xuân T, Đoàn Bá H, Nguyễn Thị L, Phạm Văn P, Đặng Văn H, Trần Thị H, Trương Thị H và có các thôn trưởng qua các thời kỳ gồm ông Nguyễn Huy D, ông Phạm Văn T, bà Đào Thị H, ông Phạm Văn V ký xác nhận*). HĐXX thấy rằng nội dung văn bản thể hiện quá trình sử dụng thửa đất và hai căn nhà trên không có ai cản trở, có lời khai còn thể hiện bà K vẫn ở tại địa phương từ đó đến nay (*trái ngược với lời khai của bà K và ông I cho rằng do đi làm ăn xa nên không biết việc đất bị lấn chiếm*). Ngoài ra ngày 12/9/2025 Tòa án nhận được văn bản xác nhận đề ngày 11/9/2025 của ông Đặng Văn N có nội

dung ông bác bỏ toàn bộ lời khai được ghi nhận trong nội dung bản án sơ thẩm, ông mua đất của bà K từ năm 2007, chuyển về địa phương sống từ năm 2013 nên lời khai của ông trong bản án rằng năm 2002 đã xảy ra tranh chấp là không đúng. Đây là những chứng cứ có thể làm thay đổi bản chất vụ án, nhưng chưa được xác minh, Tòa án cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

[2.3]. Ngày 25/6/2020, ông Đặng Văn C chết (theo trích lục khai tử số 24 ngày 03/7/2020); Tòa án cấp sơ thẩm đưa các con và vợ ông C vào tham gia tố tụng là đúng quy định, tuy nhiên ông C có con là bà Đặng Thị T, sinh năm 1993 hiện đang sinh sống tại Đà Loan, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án khi chưa có kết quả ủy thác tư pháp, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhận được văn bản số 2825/BTP-PLQT ngày 31/7/2025 của Bộ tư pháp về kết quả ủy thác tư pháp, theo đó hồ sơ ủy thác tư pháp được thực hiện vào ngày 15/5/2025 bằng phương thức gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn công an, là sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên án, việc xét xử khi chưa tổng đạt hợp lệ cho người tham gia tố tụng là vi phạm tố tụng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Từ những nhận định trên thấy rằng cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị Đ, hủy bản án sơ thẩm số 02a/2025/DS-ST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K (nay là Tòa án khu vực 11, tỉnh Q), chuyển toàn bộ hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3]. Về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên HĐXX phúc thẩm không xem xét, sẽ được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, nên bị đơn bà Vũ Thị Đ không phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị Đ, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 02a/2025/DS-ST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K (nay là Tòa án khu vực 11, tỉnh Quảng Ngãi).

Chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Q giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Bị đơn Vũ Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Vũ Thị Đ số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002218 ngày 06/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 tỉnh Quảng Ngãi).

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV11 tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV11 tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND KV11 tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THÂM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**